TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày 30/9/2020
"V/v *Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang.
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y HLam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/ QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Bách T, sinh năm 1972; Địa chỉ: 144/1 đường số 6, phường, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Đinh Tân C, sinh năm 1976; Địa chỉ: làng J, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Hồ Thị Phương N, sinh năm: 1979; HKTT: làng J, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2020 và bản tự khai ngày 20/4/2020, anh Võ Bách T trình bày: Vào ngày 01/5/2019 anh T có cho vợ chồng anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N mượn số tiền là 100.000.000đồng và hẹn 01 năm sau sẽ trả cho anh T số tiền trên cùng với tiền lãi là 1,4%/tháng. Đến tháng 10/2019 thì anh C và chị N ly hôn. Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị N trả cho anh T số tiền đã mượn là 100.000.000đồng tiền gốc và 15.400.000đồng tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2020 anh T khai là do nhớ nhầm thời gian mà anh C và chị N mượn tiền anh T là năm 2019. Thực tế là anh C và chị N mượn tiền anh T vào năm 2018. Hiện tại anh T đã làm mất giấy nợ gốc.

Ngày 18/9/2020 anh Võ Bách T có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu anh C và chị N phải trả tiền lãi trên nợ gốc.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2020 anh C công nhận là vào năm 2017 anh C và chị N có mượn anh T số tiền là 100.000.000đồng. Tại bản tự khai ngày 16/9/2020 anh C trình bày trước đây anh có khai là vợ chồng anh mượn tiền của anh T vào năm 2017, do vay số tiền trên của anh T đã lâu nên anh C không nhớ rõ thời gian, nhưng thực tế là có mượn tiền về để xây nhà vào năm 2018.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 chị N trình bày: Vào năm 2018 lúc chị N và anh C còn là vợ chồng có mượn anh T số tiền là 100.000.000đồng để xây nhà và có viết giấy mượn tiền nhưng không có thỏa thuận lãi suất. Hiện nay chị N và anh C còn nợ anh T số tiền trên, nhưng theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 anh C có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh T nên chị N không đồng ý trả số nợ này.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị N tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng chị N không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh T; 01 giấy vay tiền ngày 01/5/2018; 01 văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung, trong thời kỳ hôn nhân; 01 bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 03/10/2019 và bản tự khai của anh T.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân và bản tự khai của anh C; 01 Bản tự khai của chị N ngày 31/8/2020.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Võ Bách T. Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả cho anh T số tiền là 100.000.000đồng và chấp nhận việc anh T không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Bách T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc anh C và chị N phải trả toàn bộ số tiền đã mượn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập chị N tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng chị N không đến Tòa án để tham gia tố tụng và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của bị đơn anh C tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 01/5/2018 anh C và chị N khi còn là vợ chồng có mượn anh T số tiền là 100.000.000đồng để xây nhà, và hẹn 01 năm sau sẽ trả cho anh T số tiền trên cùng với tiền lãi là 1,4%/tháng. Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị N trả cho anh T số tiền đã mượn là 100.000.000đồng tiền gốc và 15.400.000đồng tiền lãi.

Xét về việc mượn tiền giữa các bên là hợp đồng bằng văn bản và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi, nhưng khi đến hạn trả nợ anh C và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Mặc dù theo đơn khởi kiện và bản tự khai của anh T thể hiện anh T cho anh C và chị N mượn tiền năm 2019, nhưng sau khi làm rõ qua bản tự khai của anh C và chị N cùng với giấy mượn tiền bản phô tô đã xác định được việc anh C và chị N mượn anh T 100.000.000đồng vào năm 2018 là hoàn toàn đúng với thực tế.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 chị N không đồng ý trả khoản tiền này cho anh T vì theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 thì anh C có nghĩa vụ trả khoản nợ này cho anh T. Xét văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 có thể hiện về trách nhiệm hai bên có thể hiện nội dung: anh C có trách nhiệm trả các khoản nợ chung, chị N có trách nhiệm cùng với anh C ký các giấy tờ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho anh C đứng tên. Mọi lý do chị N đưa ra hoặc không hợp tác với anh C làm ảnh hưởng đến việc làm thủ tục sang tên cho anh C thì anh C có quyền dừng trả các phần nợ của chị N. Do đó, việc chị N không thực hiện đúng như văn bản thỏa thuận 01/5/2019 và từ chối nghĩa vụ trả nợ cho anh T là không có căn cứ.

Đối với khoản nợ chung giữa anh C và Chị N trong thời kỳ hôn nhân tự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ chưa được Tòa án công nhận trong quá trình giải quyết ly hôn và không có sự đồng ý của anh T về nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh C thì việc thuận trên giữa anh C và chị N không đảm bảo quyền lợi cho anh T và không có căn cứ đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của anh C và chị N.

Tại phiên Tòa anh C trình bày: Theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và trách nhiệm trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ngày 01/5/2019 là thỏa thuận giữa anh C và chị N nên anh C công nhận đó là nợ chung giữa anh C và chị N. Đến tháng 10/2019 giữa anh C và chị N ly hôn, nhưng chị N không phối hợp làm thủ tục chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho anh C nên anh C không có tiền để trả nợ chung. Do đó, các khoản nợ chung như đã thỏa thuận anh Cảnh chờ khi nào bán nhà là tài sản chung của anh C và chị N thì anh C lấy tiền bán nhà trả nợ chung của anh C và chị N.

Xét về quan hệ giữa anh C và chị N tại thời điểm mượn tiền của anh T vẫn còn quan hệ là vợ chồng nên xác định là nợ chung. Mặc dù đến thời điểm hiện tại anh C và chị N đã ly hôn nhưng việc giải quyết về tài sản chung và nợ chung chưa được thực hiện hiện xong nên vẫn phải có nghĩa vụ liên đới để trả các khoản nợ chung là hoàn toàn có cở sở đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử kết luận anh C và chị N có nợ anh T số tiền là 100.000.000đồng là có thật, nhưng đến nay chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi

phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận, là vi phạm Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, việc anh T yêu cầu Tòa án buộc anh C và chị N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh C cùng với chị N phải liên đới trả cho anh T toàn bộ số nợ gốc là 100.000.000đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/9/2020 anh T không yêu cầu anh C và chị N phải trả tiền lãi và được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không buộc anh C và Chị N phải trả tiền lãi trên nợ gốc.

[3] Về án phí: Anh Võ Bách T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Bách T.

Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới trả cho anh Võ Bách T toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Bách T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.885.000đồng (hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006865 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Buộc anh Đinh Tân C và chị Hồ Thị Phương N phải liên đới nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình